TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Thành Biên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị O, nơi cư trú: Tổ 3B, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tuấn N; nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Tổ 3B, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Hàn Quốc. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị O trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Tuấn N trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 3 năm 2015. Quá trình kết hôn của vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình,

vợ chồng không tin tưởng vào nhau về tình cảm, kinh tế. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở lên trầm trọng, anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh N đang đi lao động tại Hàn Quốc, địa chỉ cụ thể ở Hàn Quốc của anh N thì chị không biết. Anh N vẫn liên lạc về cho mẹ anh là bà Ngô Thị Luyến, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà 81, tổ 3B, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh N càng sớm càng tốt, để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/6/2016. Hiện nay, cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh Phạm Tuấn N về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Tuấn N:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho mẹ anh là bà Ngô Thị Luyến. Tòa án đã 2 lần thông báo cho bà Ngô Thị Luyến cung cấp địa chỉ của anh N ở Hàn Quốc và yêu cầu bà Luyến cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho anh N để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Ngô Thị Luyến thể hiện: Anh N vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể anh N ở Hàn Quốc. Bà Luyến đã thông báo cho anh N về yêu cầu của Tòa án. Anh N đồng ý ly hôn với chị O nhưng anh không thể gửi lời khai về cho Tòa án vì công việc của anh bận, dịch bệnh Covid phức tạp nên điều kiện đi lại khó khăn. Bà Luyến đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị O và để cho chị O được nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị O và anh Phạm Tuấn N đều vắng mặt và chị O có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị O thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ , tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Tuấn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị O và anh Phạm Tuấn N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 3 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O. Về con chung: Giao con chung Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/6/2016 cho chị Bùi Thị O nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị O xin tự giải quyết với anh N nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị O xin tự giải quyết với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Phạm Tuấn N có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Hàn Quốc), nguyên đơn chị Bùi Thị O sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Bùi Thị O và anh Phạm Tuấn N đều vắng mặt, chị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Phạm Tuấn N: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Tuấn N vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị O và anh Phạm Tuấn N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 3 năm 2015 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không tin tưởng vào nhau về tình cảm, kinh tế. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở lên trầm trọng khi anh N đi lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị O và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 127 của

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Bùi Thị O được ly hôn với anh Phạm Tuấn N.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị O và anh Phạm Tuấn N có một con chung là: Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/6/2016. Xét thấy, chị Bùi Thị O, gia đình anh N đều có nguyện vọng để cho cháu Đ ở với chị O. Mặt khác, cháu Đ còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, anh N đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc cháu Đ. Do đó, cần giao con chung cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O xin tự giải quyết với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị O không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Phạm Tuấn N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị O được ly hôn anh Phạm Tuấn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/6/2016 cho chị Bùi Thị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị O không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh Phạm Tuấn N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị O không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Phạm Tuấn N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị O phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0019086 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị O (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Phạm Tuấn N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương